

THƯ MỜI BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Kính gửi: Các Công ty cung cấp quà Tết

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên có nhu cầu tìm đơn vị thực hiện Gói thầu “Quà Tết năm 2026” với yêu cầu như sau:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quà Tết năm 2026 Phần quà bao gồm các sản phẩm: + Thực phẩm khô và trái cây chế biến (trái cây sấy, các sản phẩm từ trái cây) + Đồ uống (rượu, cà phê hòa tan, trà) + Bánh kẹo các loại (bánh quy, chocolate, bánh ngọt đóng hộp) + Sản phẩm dinh dưỡng – thực phẩm bổ sung (mật ong, bột cacao/dinh dưỡng) + Phụ kiện đóng gói và trang trí quà Tết (khay, tem nhãn có tên CNS)	Phần	190	2.000.000	380.000.000
TỔNG CỘNG (ĐÃ BAO GỒM THUẾ GTGT)					380.000.000

- Tên hàng hóa: Quà Tết năm 2026.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ
- Phí mua Yêu cầu báo giá: Hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí trên Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (<https://www.cns.com.vn>) ngay sau khi đăng tải thông báo yêu cầu chào hàng cạnh tranh, thông báo mời tham gia.
- Phát hành Yêu cầu báo giá: từ ngày 21 tháng 01 năm 2026 đến ngày 23 tháng 01 năm 2026.
- Hạn chót nhà thầu nộp Hồ sơ báo giá: 16 giờ 30 ngày 23 tháng 01 năm 2026.
- Thời gian mở Hồ sơ báo giá: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo giá.

Nơi nhận báo giá:

- Tên Cơ quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV



- Địa chỉ: 58 – 60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đơn vị nhận báo giá: Văn phòng Tổng Công ty (Ông Cao Minh Duy – Nhân viên Văn phòng Tổng Công ty; Điện thoại: 0988 280 897; Email: duycm@cns.com.vn).

Ghi chú:

- Báo giá phải ghi rõ danh mục quà, khối lượng, đơn giá của từng mặt hàng chào giá theo yêu cầu.

- Báo giá phải có chữ ký người báo giá và có dấu công ty (*Giá chào phải bao gồm tất cả các chi phí như vận chuyển, trang trí, thuế,...*), được bỏ vào trong phong bì dán kín và đóng dấu giáp lai dấu Công ty tại vị trí đóng nắp bì thư.

Trân trọng./.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Dương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Quà Tết năm 2026

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 380.000.000 đồng

Phát hành ngày: 21/01/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 41 /QĐ-CNS ngày 21/01/2026

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

56
ĐN
P
M
NH
H

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên
2. Tên đơn vị mua sắm là: Văn phòng Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu “Quà Tết năm 2026” của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được

trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a Chương III;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên.

Địa chỉ: 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP Hồ Chí Minh

Người nhận: Ông Cao Minh Duy – Nhân viên Văn phòng Tổng Công ty

Số điện thoại: 0988 280 897, email: duyem@cns.com.vn

Thời gian nộp báo giá không muộn hơn 16 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026. Các báo giá được gửi đến đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 07 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật		Bảo hành	Số lượng	Các yêu cầu khác (nếu có)
		ĐVT	Yêu cầu			
QUÀ TẾT NĂM 2026						
1	Hồng Táo Sấy $\geq 200\text{gr}$	Hộp	- Đóng gói các sản phẩm theo danh mục yêu cầu thành 01 phần quà. - Cung cấp kích thước và hình ảnh phần quà	Điều kiện đổi trả sản phẩm	190	- Kích thước phần quà cao tối thiểu trên 75cm; ngang 45cm; rộng 22cm. - Ghi rõ thương hiệu, trọng lượng, xuất xứ, thời hạn sử dụng, đơn giá của từng sản phẩm.
2	Bánh Quy Yến Mạch $\geq 230\text{gr}$	Hộp			190	
3	Mật ong nguyên chất $\geq 400\text{gr}$	Hũ			190	
4	Chà Là Sấy Dẻo $\geq 500\text{gr}$	Hộp			190	
5	Rượu vang $\geq 750\text{ml}$	Chai			190	
6	Bánh xốp phủ socola $\geq 150\text{gr}$	Hộp			190	
7	Bột thức uống lúa mạch $\geq 285\text{gr}$	Hộp			190	
8	Bánh quy có nhân $\geq 208\text{gr}$	Hộp			190	
9	Cà phê sữa hòa tan $\geq 170\text{gr}$	Hộp			190	
10	Socola $\geq 110\text{gr}$	Hộp			190	
11	Trà lá lon $\geq 80\text{g}$	Hộp			190	
12	Bánh quy Hồn hợp $\geq 422\text{gr}$	Hộp			190	
13	Bánh quy hỗn hợp yến mạch $\geq 156\text{gr}$	Hộp			190	
14	Bánh quy cà phê $\geq 390\text{gr}$	Hộp			190	
15	Khay quà, tem nhãn có tên CNS	Khay			190	
16	Các sản phẩm khác (nếu có)					

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03a
BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ

1	2	3	4	5				6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	HSD	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn mác của sp	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hồng Táo Sấy $\geq 200\text{gr}$	Hộp	190						
2	Bánh Quy Yến Mạch $\geq 230\text{gr}$	Hộp	190						
3	Mật ong nguyên chất $\geq 400\text{gr}$	Hũ	190						
4	Chà Là Sấy Dẻo $\geq 500\text{gr}$	Hộp	190						
5	Rượu vang $\geq 750\text{ml}$	Chai	190						
6	Bánh xốp phủ socola $\geq 150\text{gr}$	Hộp	190						
7	Bột thức uống lúa mạch $\geq 285\text{gr}$	Hộp	190						
8	Bánh quy có nhân $\geq 208\text{gr}$	Hộp	190						
9	Cà phê sữa hòa tan $\geq 170\text{gr}$	Hộp	190						
10	Socola $\geq 110\text{gr}$	Hộp	190						
11	Trà lài lon $\geq 80\text{g}$	Hộp	190						
12	Bánh quy Hồn hợp $\geq 422\text{gr}$	Hộp	190						
13	Bánh quy hỗn hợp yến mạch $\geq 156\text{gr}$	Hộp	190						M1
14	Bánh quy cà phê $\geq 390\text{gr}$	Hộp	190						M2
15	Khay quà, tem nhãn có tên CNS	Khay	190						
n	Các sản phẩm khác (nếu có)		190						Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)									M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

1. Bên A đặt hàng 190 (một trăm chín mươi) phần quà Tết và Bên B nhận cung cấp hàng hóa, gồm các chủng loại hàng hóa và giá trị được tính như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền
1	Quà Tết					
Cộng						
Thuế GTGT						
Tổng cộng đã bao gồm thuế GTGT						

2. Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT là: **...000.000 đồng**, (Bằng chữ: triệu đồng).

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG

- **Địa điểm giao hàng:** theo yêu cầu của Bên A, cụ thể như sau:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên

+ Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người liên hệ: Ông Cao Minh Duy – Nhân viên Văn phòng Tổng Công ty (số điện thoại: 0988 280 897)

- **Thời gian giao hàng:** Sau khi hai Bên ký Hợp đồng, Bên B thực hiện giao hàng cho Bên A trong vòng 02 (hai) ngày làm việc. Thời gian giao hàng theo Bên A yêu cầu (giờ hành chính).

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

3.2 Thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán, bao gồm:

- + Giấy đề nghị thanh toán chuyển khoản ghi đầy đủ thông tin tài khoản.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ ghi số tiền thanh toán.
- + Biên bản nghiệm thu bàn giao giữa Bên A và Bên B.
- + Biên bản quyết toán Hợp đồng được đại diện Bên A và Bên B xác nhận.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CÁC BÊN

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

(Chữ ký)

3668
CÔNG
HIỆP S
HIỆM H
HÀNH
P. H

(Chữ ký)

- **Tiếp nhận hàng hóa**, kiểm tra số lượng, quy cách, chất lượng, bao bì sản phẩm và **ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng hóa** với Bên B tại thời điểm nhận hàng. Trường hợp Bên A phát hiện hàng hóa không đạt chất lượng hoặc quy cách, bao bì không đúng quy định của hợp đồng, Bên A phải thông báo cho Bên B trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hàng.

- Có trách nhiệm **bảo quản hàng hóa đúng cách** sau khi nhận hàng, theo hướng dẫn bảo quản sản phẩm do Bên B cung cấp, nhằm đảm bảo giữ nguyên phẩm chất và chất lượng sản phẩm.

- Thông báo kịp thời các thay đổi giao nhận hàng, thanh toán nếu có để hai bên cùng nhau giải quyết.

- **Không thực hiện bất kỳ hành vi nào** (bao gồm phát ngôn, đăng tải thông tin, hoặc hành động khác) gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh, uy tín thương hiệu hoặc chất lượng sản phẩm của Bên B dưới bất kỳ hình thức nào.

- Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

- Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng theo chủng loại, mẫu mã, thời gian và đủ số lượng của hợp đồng. Trường hợp có phát sinh sự cố ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, Bên B có trách nhiệm **thông báo cho Bên A trong thời gian sớm nhất, nhưng không muộn hơn 01 (một) ngày làm việc** kể từ thời điểm phát sinh sự cố. Bên B cam kết nỗ lực tối đa để khắc phục và hoàn tất nghĩa vụ giao hàng trong thời gian sớm nhất

- Đóng gói: Trên bao bì có thể hiện rõ tên hàng, trọng lượng.

- Bao bì hàng hóa còn nguyên vẹn. Đóng gói hàng hóa phù hợp với quá trình vận chuyển.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng phải ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác.

- Hàng đạt chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm của nhà sản xuất và công bố trên nhãn hàng hóa. Tất cả đều đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, lưu hành và mua bán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Có trách nhiệm **xuất hóa đơn tài chính hợp lệ** cho Bên A và cung cấp đầy đủ **chứng từ thanh toán** theo yêu cầu hợp lệ của Bên A.

- Có quyền yêu cầu Bên A **thanh toán đầy đủ và đúng hạn** theo nội dung quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm (nếu có).

ĐIỀU 5. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI - PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà gây thiệt hại (bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp) cho bên kia thì bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường.

2. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên A sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng

Vietcombank công bố tại thời điểm vi phạm tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị chậm thanh toán.

3. Trường hợp Bên B thực hiện dịch vụ/công việc trễ so với thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm vi phạm tính trên giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện và số ngày trễ hạn nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện.

4. Phạt vi phạm 8% tổng giá trị hợp đồng áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

b) Khi một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực mà không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này hoặc việc chấm dứt Hợp đồng không phải do lỗi của bên kia.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

1. Các bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin liên quan tới Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có), thông tin mà mình nhận được từ phía bên kia.

2. Mỗi bên không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Mỗi bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

4. Điều khoản này vẫn còn hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này hết hiệu lực và các bên không còn hợp tác.

ĐIỀU 7. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng làm cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

2. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Chính phủ...

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, và trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, sẽ chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về

việc xảy ra sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

4. Bên thông báo việc họ không thể thực hiện hợp đồng do sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng đó.

5. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng hoặc khi sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG - TẠM NGỪNG THỰC HIỆN - CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi được sự thống nhất của các bên và thể hiện bằng văn bản.

2. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng

Một trong các bên được tạm ngừng thực hiện Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để tạm ngừng thực hiện Hợp đồng;

b) Khi một bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng.

3. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

a) Hợp đồng hết hiệu lực và các bên không gia hạn Hợp đồng;

b) Các bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

c) Một trong các bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do các bên thoả thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;

d) Sau khi các bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

4. Thanh lý Hợp đồng

a) Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, các bên tiến hành đối soát, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi bên theo Hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng.

b) Trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, các bên phải ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Các bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.

2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này các bên thống nhất lựa chọn Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng này gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 06 (sáu) bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để theo dõi và thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

